

# QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH – NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM

TRẦN THỊ MINH TUYẾT (\*)

*Sinh thời, nhà nhân văn chủ nghĩa Hồ Chí Minh luôn cho rằng, “nghĩ cho cùng, mọi vấn đề... là vấn đề ở đời và làm người”, do vậy, quyền con người là một nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Mặc dù Hồ Chí Minh không để lại trước tác riêng biệt về vấn đề này, nhưng khát vọng giải phóng con người và chủ trương mang lại hạnh phúc cho con người, trước hết là cho nhân dân lao động, đã thấm sâu vào mọi tác phẩm và hoạt động thực tiễn của Người. Hồ Chí Minh cũng là người đặt nền móng cho sự phát triển thể chế dân chủ, đảm bảo quyền con người cho nhân dân Việt Nam. Vì thế, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người có giá trị lý luận và thực tiễn thiết thực.*

**C**on người là giá trị cao quý nhất trong vũ trụ nên bảo vệ và phát triển các quyền cơ bản của con người là đích đến của mọi cuộc cách mạng chân chính, mọi thể chế xã hội tiến bộ và cũng là khát vọng mãnh liệt của các vĩ nhân trong mọi thời đại. Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, quyền con người có một vị trí quan trọng. Việc tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người giúp chúng ta hiểu sâu hơn về chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh và qua đó, tìm thấy kim chỉ nam để phát triển và hoàn thiện ở Việt Nam một xã hội văn minh – xã hội mà ở đó, quyền con người luôn được tôn vinh và đảm bảo.

## 1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quyền con người

Khi coi quyền con người là những quyền tự nhiên, khách quan của con người đã được ghi nhận và bảo đảm trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế(1) thì quyền con người cần được xem xét dưới 2 góc độ: Là bản thân những lợi ích, quyền hạn, nhu cầu của con người và là khả năng thừa nhận và đảm bảo những quyền đó cho con người bằng luật pháp. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người đã tiếp cận vấn đề cả ở 2 góc độ đó.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người mang tính lịch sử sâu sắc, khi quan điểm, nhận thức của Người gắn

(\*) Tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

(1) Xem: Phạm Ngọc Anh. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.43.

liên với từng chặng đường hoạt động thực tiễn. Khi là một người “vong quốc nô”, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người thể hiện qua *sự phê phán, tố cáo thực trạng vi phạm nhân quyền ở các nước thuộc địa*. Qua một loạt các tác phẩm, như *Tâm địa thực dân, Bình đẳng, Công cuộc khai hóa giết người, Bản án chế độ thực dân Pháp...*, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã tố cáo sự vi phạm nghiêm trọng quyền con người của chế độ thực dân ở tất cả mọi phương diện, như chà đạp lên *quyền sống, vi phạm các quyền dân sự - chính trị cũng như các quyền bình đẳng về kinh tế và văn hóa – xã hội* của nhân dân các nước thuộc địa. Chế độ đó cũng vi phạm quyền con người đối với một số nhóm người vốn được pháp luật phương Tây ưu ái, bảo vệ, như phụ nữ và trẻ em... Để tố cáo sự vô nhân đạo của chế độ thuộc địa, Hồ Chí Minh đã *so sánh sự thực thi 3 tiêu chí “tự do, bình đẳng, bác ái” ở chính quốc và thuộc địa*. Người lên án sự tàn bạo của chế độ thuộc địa ở Đông Dương như sau: “Công lý được tượng trưng bằng một người đàn bà dịu hiền, một tay cầm cân, một tay cầm kiếm. Vì đường từ Pháp đến Đông Dương xa quá, xa đến nỗi sang được tới đó thì cán cân đã mất thăng bằng, đĩa cân đã chảy lỏng ra và biến thành những tẩu thuốc phiện hoặc những chai rượu ty, nên người đàn bà tội nghiệp chỉ còn lại độc cái kiếm để

chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội, và nhất là người vô tội”(2). Người còn lên án *sự bất bình đẳng về luật pháp ở Đông Dương*: “Ở Đông Dương có hai thứ công lý. Một thứ cho người Pháp, một thứ cho người bản xứ. Người Pháp thì được xử như ở Pháp. Người An Nam thì không có hội đồng bồi thẩm, cũng không có luật sư người An Nam... Nếu có vụ kiện cáo giữa người An Nam với người Pháp thì lúc nào người Pháp cũng có lý cả, mặc dù tên này ăn cướp hay giết người”(3). Khi tố cáo chủ nghĩa thực dân vi phạm quyền con người, Hồ Chí Minh không chỉ bày tỏ quan điểm của mình về những quyền con người cần được hưởng, mà còn *thực sự tuyên chiến với chế độ đã chà đạp lên quyền con người*. Đó chính là hành động quyết liệt của một nhà nhân quyền thực thụ.

Khi đã trở thành nguyên thủ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người đã được *hiện thực hóa bằng chủ trương kiến tạo một xã hội bảo đảm những quyền cơ bản của con người và được hiến định bằng những điều luật trong các Hiến pháp tiến bộ* mà Hồ Chí Minh là trưởng ban soạn thảo.

Trên thực tế, quyền con người trong các văn kiện quốc tế thường được chia thành 2 nhóm quyền cơ bản là *quyền*

(2) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.2. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.99.

(3) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.1, tr.445.

*dân sự - chính trị và quyền kinh tế, văn hóa, xã hội.* Kế thừa văn minh nhân loại, trong *Hiến pháp năm 1946* và *Hiến pháp năm 1959*, Hồ Chí Minh cũng phân chia quyền con người thành 2 nhóm quyền như vậy.

Dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh, trong Hiến pháp của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, *quyền dân sự của con người được luật hóa thành quyền và nghĩa vụ công dân.* Hiến pháp năm 1946 quy định *quyền công dân ở* chương 2, gồm 18 điều luật(4). Theo đó, công dân Việt Nam có các quyền tự do sau đây: Quyền bình đẳng dân tộc, bình đẳng nam nữ, bình đẳng về mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa; quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, về chỗ ở, thư tín; quyền tư hữu tài sản. Công dân chỉ bị bắt bớ và giam cầm khi có quyết định của tư pháp. Trong Hiến pháp năm 1959, phần *quyền lợi và nghĩa vụ công dân* được ghi ở chương 3, gồm 21 điều. Do hoàn cảnh mới của đất nước là miền Bắc đã được giải phóng và tiến hành xây dựng xã hội mới, *Hiến pháp 1959* quy định thêm những quyền công dân mới, như quyền khiếu nại, tố cáo đối với hành vi phạm pháp của nhân viên cơ quan nhà nước, quyền làm việc, quyền nghỉ ngơi, quyền học tập, quyền thực hiện các hoạt động văn hóa, như nghiên cứu khoa học, sáng tác nghệ thuật...(5).

Trong các quyền tự do cá nhân, Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng đến *quyền tự do tín ngưỡng* của công dân Việt Nam. Sinh thời, Người luôn khẳng định: *Niềm tin tôn giáo là quyền của mỗi con người và niềm tin ấy cần được tôn trọng.* Phát biểu tại buổi lễ mừng *Liên hiệp quốc gia* ngày 5 - 1 - 1946, Người nhấn mạnh: “Tín đồ Phật giáo tin ở Phật; tín đồ Giatô tin ở đức Chúa Trời; cũng như chúng ta tin ở đạo Khổng. Đó là những vị chí tôn nên chúng ta tin tưởng”(6). Trong phiên họp đầu tiên của *Hội đồng Chính phủ lâm thời* ngày 3 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị: “Chính phủ ta tuyên bố: TÍN NGƯỠNG TỰ DO và lương giáo đoàn kết”(7). Tinh thần đó đã được *Hiến pháp năm 1946* khẳng định: Nhân dân có quyền “tự do tín ngưỡng”, có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Hồ Chí Minh kiên quyết chống lại mọi hành vi vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Trong *Tám điều lệnh* của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa có điều lệnh “chính quyền, quân đội và đoàn thể phải tôn trọng tín ngưỡng, phong tục, tập quán của đồng bào”(8) và trong mọi trường hợp “không nên xúc phạm

(4) Xem: *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946.*

(5) Xem: *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1959.*

(6) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.169.

(7) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.8.

(8) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.488.

đến tín ngưỡng phong tục của dân”(9).

Về quyền chính trị của công dân, Hiến pháp 1946 quy định: Mọi người dân từ 18 tuổi đều có quyền bầu cử, quyền bãi miễn đại biểu, quyền phúc quyết những vấn đề lớn trong đời sống đất nước và từ 21 tuổi đều có quyền ứng cử. Điều 23 trong Hiến pháp năm 1959 khẳng định lại những quyền chính trị này.

Bên cạnh các quyền dân sự - chính trị, Hồ Chí Minh còn hết sức chú trọng việc đảm bảo các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội cho nhân dân.

Kế thừa quan điểm sâu sắc của C.Mác: “Người ta phải có khả năng sống đã rồi mới có thể làm ra lịch sử”, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến các quyền kinh tế của con người. Đầu tiên, con người ở trong độ tuổi lao động phải có quyền được lao động và có trách nhiệm phải lao động. Lao động nhiều thì hưởng nhiều, lao động ít thì hưởng ít; có thể áp dụng cơ chế khoán, vì nó “ích chung và lại lợi riêng”(10). Tiếp đó, Hồ Chí Minh khẳng định: Con người có quyền sở hữu tài sản. Điều 12, Hiến pháp 1946 quy định: “Quyền tư hữu tài sản của công dân được đảm bảo”. Trong Báo cáo về dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa I nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đọc ngày 18 - 12 - 1959, Hồ Chí Minh cho rằng, trong nước ta hiện nay có 4 hình thức sở hữu và Người khẳng định, “Nhà nước

bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất” của các thành phần kinh tế tư nhân, đồng thời ra sức “hướng dẫn họ hoạt động nhằm làm lợi cho quốc kế dân sinh, phù hợp với kế hoạch kinh tế của Nhà nước”(11).

Ngoài quyền bình đẳng về kinh tế, Hồ Chí Minh cũng rất quan tâm đến việc đảm bảo quyền thụ hưởng văn hóa của con người. Ngay sau Cách mạng tháng Tám, Người đã khẳng định nguyên tắc “ai cũng được học hành” và chế độ mới có trách nhiệm phải đảm bảo quyền đó cho công dân. Để thực hiện nhiệm vụ đó trong hoàn cảnh trên 90% dân số Việt Nam mù chữ, điều 15 trong Hiến pháp năm 1946 quy định: “Nền sơ học cưỡng bách và không học phí. Ở các trường sơ học địa phương, quốc dân thiếu số có quyền học bằng tiếng của mình. Học trò nghèo được chính phủ giúp. Trường tư được mở tự do và phải dạy theo chương trình Nhà nước”(12). Có thể khẳng định, chủ trương xã hội hóa giáo dục của Hồ Chí Minh là một chủ trương hết sức đúng đắn. Tiếp đó, điều 33 và điều 34 của Hiến pháp năm 1959 cũng quy định: “Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền học tập..., có quyền tự do nghiên cứu khoa học, sáng tác

(9) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.501.

(10) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.10, tr.537.

(11) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.12, tr.373.

(12) Xem: *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946.*

văn học nghệ thuật và tiến hành các hoạt động văn hóa khác”(13).

Xuất phát từ quan điểm “nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì”, “dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”, Hồ Chí Minh hết sức chú trọng đến việc đảm bảo các *quyền xã hội* cho nhân dân. Người chủ trương: “Chúng ta phải thực hiện ngay:

1. Làm cho dân có ăn.
2. Làm cho dân có mặc.
3. Làm cho dân có chỗ ở.
4. Làm cho dân có học hành”(14).

Người cũng hết sức chú trọng việc *không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân*, để “người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm”.

Một điều cần lưu ý là, trong khi giải quyết quyền con người, Hồ Chí Minh luôn gắn bó giữa *quyền công dân và nghĩa vụ công dân*. Theo Người, trong Nhà nước *dân chủ*, *dân là chủ nên dân phải làm chủ*. Người làm chủ trước hết phải làm tròn bổn phận công dân, “phải chăm lo việc nước như việc nhà”, “phải biết tự mình lo toan gánh vác, không ỷ lại, ngồi chờ”, “làm chủ sao cho ra làm chủ, không phải làm chủ là muốn ăn bao nhiêu thì ăn, muốn làm bao nhiêu thì làm”(15). Vì thế, nhân dân phải “giữ đúng đạo đức công dân”(16). Người căn dặn: “Chúng ta cần phải có *giáo dục đạo đức công dân* để mọi người hiểu rõ: Lợi

ích chung của nước nhà và lợi ích riêng của người dân là nhất trí; quyền lợi của công dân và nghĩa vụ của công dân là nhất trí; đã là người chủ của nước nhà thì phải phụ trách đối với Tổ quốc”(17).

Đúng như Giáo sư Trần Văn Giàu đã viết: “Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn giải thoát của những lớp người *hèn yếu, lao khổ, các dân tộc bị chà đạp*”(18), nên Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến *quyền lợi* của một số nhóm người *dễ bị tổn thương* là *đồng bào thiểu số, phụ nữ và trẻ em*.

Trong *chính sách dân tộc*, Hồ Chí Minh luôn khẳng định: “Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”(19). Hiện thực hóa quan điểm đó, *Hiến pháp năm 1946* và *Hiến pháp năm 1959* đều khẳng định sự bình đẳng của các dân tộc. *Điều 3* trong *Hiến pháp năm 1959* ghi rõ: “Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Nhà nước có nhiệm vụ gìn giữ và phát triển sự đoàn kết giữa các dân tộc. Mọi hành vi khinh miệt, áp bức, chia rẽ dân tộc đều bị nghiêm cấm”(20). Biểu hiện của sự bình đẳng

(13) Xem: *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1959*.

(14) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.175.

(15) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.13, tr.287.

(16) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.9, tr.258.

(17) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.9, tr.259.

(18) Trần Văn Giàu. *Vĩ đại một con người*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.41.

(19) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.12, tr.371.

(20) Xem: *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1959*.

giữa các dân tộc là *sự tôn trọng các giá trị văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của mỗi dân tộc*. Điều 3 trong Hiến pháp năm 1959 quy định: “Các dân tộc có quyền duy trì hoặc sửa đổi phong tục, tập quán... của mình”(21).

Khẳng định *quyền bình đẳng về mọi mặt của phụ nữ* trong chế độ mới, kể cả *quyền bình đẳng về chính trị*, như tham gia bầu cử, ứng cử, gia nhập tổ chức Đảng... là quan điểm xuyên suốt của Hồ Chí Minh và Người đã hiến định chủ trương này bằng luật pháp. Điều 9 trong Hiến pháp năm 1946 ghi rõ: “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”. Không chỉ khẳng định quyền bình đẳng của phụ nữ, Hồ Chí Minh còn chỉ rõ các *điều kiện để đảm bảo quyền của phụ nữ trong xã hội mới là các tổ chức Đảng và chính quyền phải quan tâm hơn nữa về công tác phụ nữ và đào tạo cán bộ nữ, phải tuyên truyền để dần dần thay đổi nhận thức của cả xã hội, đặc biệt là của đàn ông về quyền bình đẳng của phụ nữ và bản thân phụ nữ phải có ý chí vươn lên, có ý thức tự bảo vệ mình*. Người nói một cách cụ thể: “Muốn ngăn chặn được hết tệ đánh vợ, (...) các cô và thanh niên phải đấu tranh chống lại, các cô và các cháu thanh niên có pháp luật trong tay”(22). Ngay trong Di chúc, Người cũng căn dặn: “Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất. Đảng và Chính phủ cần phải có kế

hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”(23). Cho đến ngày nay, vấn đề quyền của phụ nữ không phải đã được mọi quốc gia thừa nhận và thực tế đó càng làm ta thấy rõ tính triệt để và nhân văn trong quan điểm của Hồ Chí Minh về quyền của phụ nữ Việt Nam.

Hiếm có một nhà lãnh đạo, nhà tư tưởng nào trên thế giới lại quan tâm nhiều đến *quyền trẻ em* như Hồ Chí Minh. Tính ra, trong tổng số di sản của Người có đến 128 bài đề cập đến trẻ em và công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em(24), dù Người không trực tiếp đề cập đến khái niệm “quyền trẻ em”. Hồ Chí Minh luôn khẳng định *trẻ em là tương lai của đất nước và trẻ em có quyền được ăn no, mặc ấm, quyền được vui chơi, quyền được học hành...* Người cho rằng, bản chất của trẻ em là lương thiện, trong sáng nhưng còn yếu ớt về thể lực, chưa hoàn thiện về nhân cách, nên phẩm chất của trẻ, tương lai của trẻ *phụ thuộc nhiều vào công tác giáo dục*. Người nhấn mạnh: “Giáo dục thiếu

(21) Xem: *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1959*.

(22) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.15, tr.295.

(23) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.15, tr.617.

(24) Xem: Phạm Ngọc Anh. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người*. *Sđd.*, tr.150.

niên, nhi đồng là trách nhiệm của các cô, các chú, của gia đình, của nhà trường, của đoàn thể, của xã hội. (...) Cho nên muốn giáo dục các cháu thành người tốt, nhà trường, đoàn thể, gia đình, xã hội đều phải kết hợp chặt chẽ với nhau”(25). Ngày 1 - 6 - 1969, Người còn cho đăng bài viết *Nâng cao trách nhiệm chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng*, trong đó có đoạn: “Vì tương lai của con em ta, dân tộc ta, mọi người, mọi ngành phải có quyết tâm chăm sóc và giáo dục các cháu bé cho tốt”(26).

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề quyền con người đã được nhận thức một cách sâu sắc, toàn diện và đã được *hiến định* bằng luật pháp.

## 2. Nét đặc sắc trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về quyền con người

Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người vừa là sự kế thừa thành tựu văn minh, tiến bộ của nhân loại, vừa là kết quả của bản lĩnh sáng tạo Hồ Chí Minh và do vậy, quan điểm của Người có nhiều nét đặc sắc.

*Thứ nhất*, nếu nhân quyền ở các nước phương Tây là đòi quyền tự do cho mỗi cá nhân thì từ *những quyền cơ bản của con người*, Hồ Chí Minh đã mở rộng, nâng cao thành quyền dân tộc độc lập, quyền dân tộc tự quyết, quyền của người dân được sống trong độc lập, tự do. Mở đầu *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh trích dẫn những lời bất hủ của *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*

của cách mạng Pháp và khẳng định “đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”. Cách lập luận này của Hồ Chí Minh không đơn thuần là sự khôn khéo, khi dùng “gậy ông đập lưng ông”, lấy “những lẽ phải” mà đối phương đã thừa nhận để bảo vệ những quyền chân chính của dân tộc mình mà còn gián tiếp khẳng định: *Cách mạng Việt Nam là sự nối tiếp con đường tiến hóa của nhân loại về quyền con người*. Một điều nữa đáng lưu ý: Năm 1948, *Liên hợp quốc* mới thông qua *Tuyên ngôn Thế giới về quyền con người*, nhưng khái niệm *nhân quyền* trong đó chỉ là *quyền cá nhân*. Mãi đến năm 1966, điều 1 trong *Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị* mới ghi: “Tất cả các dân tộc đều có quyền dân tộc tự quyết”(27). Đến *Tuyên bố Viên và Chương trình hành động* (1993) mới ghi rõ: “Việc khước từ quyền dân tộc tự quyết là sự vi phạm nhân quyền”. Như vậy, *tư tưởng về quyền dân tộc độc lập, quyền dân tộc tự quyết* trong *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh đã đi trước nhận thức chung của cộng đồng quốc tế hơn 20 năm.

*Thứ hai*, trong xã hội tư bản, quyền con người cá nhân được tuyệt đối hóa dẫn đến sự đối lập giữa cá nhân với

(25) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.12, tr.76 - 77.

(26) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.15, tr.579.

(27) Xem: Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội. *Tư tưởng về quyền con người (tuyển tập tư liệu thế giới và Việt Nam)*. Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2007, tr.391.

cộng đồng, còn Hồ Chí Minh thì cho rằng, quyền con người luôn gắn kết với quyền cộng đồng. *Vấn đề nhân quyền không thể cao hơn chủ quyền dân tộc.*

*Thứ ba*, nếu các nhà lập pháp phương Tây thường nhấn mạnh đến các quyền dân sự - chính trị (tức là các quyền tự do cá nhân) thì Hồ Chí Minh lại hết sức quan tâm đến quyền kinh tế, văn hóa, xã hội của con người. Điều này rất sâu sắc, bởi ở một nước đang phát triển, kinh tế còn khó khăn thì trước hết cần phải quan tâm đến điều kiện sống của con người, mà cụ thể là cơm ăn, áo mặc, chỗ ở, chỗ học hàng ngày...

*Thứ tư*, ngoài những quyền công dân nói chung, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương trong xã hội, như đồng bào các dân tộc thiểu số, phụ nữ, trẻ em...

*Thứ năm*, là một nhà biện chứng thực hành, quyền con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh không dừng ở mặt nhận thức, mà Người còn xác định các điều kiện, các thiết chế bảo đảm việc hiện thực hóa các quyền đó trong thực tế. Hồ Chí Minh cho rằng, nếu dân tộc bị mất độc lập, tự do thì từng cá nhân không thể có độc lập, tự do. *Độc lập dân tộc* vừa là quyền tự do tập thể, vừa là tiền đề tiên quyết, điều kiện cần phải có để bảo đảm tự do cho mỗi cá nhân. Vì vậy, *đấu tranh giải phóng dân tộc* là nhiệm vụ cách mạng trước tiên để bảo đảm các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, “không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn của con người bằng chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa”, do vậy, *xóa bỏ chế độ bóc lột, thiết lập chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa* là điều kiện để đảm bảo quyền con người một cách triệt để nhất. Người viết:

“Công nông mình cứu lấy mình,

Sửa sang thế đạo kinh dinh nhân quyền”(28).

Như vậy, với Hồ Chí Minh, *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là điều kiện tiên quyết để thực hiện quyền con người* một cách thực sự. Không chỉ thế, với Người, việc *mở rộng dân chủ, hoàn thiện luật pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân và nâng cao dân trí...* cũng là những điều kiện cần thiết để bảo đảm quyền con người. Ở Hồ Chí Minh luôn có sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động, nên nhận thức của Người về quyền con người gắn liền với việc thiết lập các điều kiện chính trị – xã hội để quyền con người đi vào thực tiễn.

*Thứ sáu*, Hồ Chí Minh cho rằng, việc bảo đảm quyền con người là *trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị*, như Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị – xã hội khác, chứ *không chỉ của riêng nhà nước* như quan niệm phổ biến của cộng đồng quốc tế. Với Người, “Đảng là Đảng của giai

(28) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.2, tr.502.



cấp lao động, mà cũng là Đảng của toàn dân”, là đại diện cho lợi ích của cả dân tộc, nên việc đảm bảo quyền con người, trước hết là trách nhiệm của Đảng: “Dân không đủ muối, Đảng phải lo. Dân không có gạo ăn đủ no, dân không có vải mặc đủ ấm, Đảng phải lo. Các cháu bé không có trường học, Đảng phải lo (...) Tất cả mọi việc, Đảng phải lo (...) Ngay đến cả tương, cà, mắm, muối của dân, Đảng đều phải lo”(29). Người còn nói: “Hễ còn có một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn, thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ”(30). Với Người, việc đảm bảo quyền và lợi ích của nhân dân còn là trách nhiệm của các tổ chức xã hội: “Hội đồng nhân dân, Mặt trận, Công đoàn, Hội Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, v.v.. Những đoàn thể ấy là tổ chức của dân, phấn đấu cho dân, bênh vực quyền của dân, liên lạc mật thiết nhân dân với Chính phủ. Khi ai có điều gì oan ức, thì có thể do các đoàn thể tố cáo lên cấp trên”(31).

*Thứ bảy*, là một người yêu nước vĩ đại, đồng thời cũng là một chiến sĩ quốc tế cao cả, Hồ Chí Minh không chỉ kiên quyết bảo vệ độc lập dân tộc và quyền con người của nhân dân Việt Nam, mà còn luôn tôn trọng chủ quyền quốc gia và quyền con người của các dân tộc khác. Trong nhận thức và hành động của Người, quyền được sống của kiều dân nước ngoài luôn được đảm bảo. Ngay trong *Quốc lệnh* (ký tháng 1 - 1946), Người đã khẳng định, việc vô cơ sát hại

*kiều dân ngoại quốc sẽ bị xử tử*. Ngay cả khi giữa 2 nước xảy ra chiến tranh thì quyền sống và việc đối xử nhân đạo với tù binh, hàng binh vẫn được đảm bảo. Và, không chỉ quyền sống, mà quyền sở hữu tài sản của kiều dân cũng được bảo hộ. Với Người, “tính mệnh và tài sản của kiều dân nước ngoài tuân theo pháp luật Việt Nam, phải được bảo hộ”(32).

Những đặc điểm đó đã chứng tỏ tư tưởng về quyền con người của Hồ Chí Minh vừa là sự kế thừa văn minh nhân loại, vừa là sản phẩm của một bộ óc mang tính sáng tạo và thực tiễn rất cao. Người không chỉ tiếp cận vấn đề quyền con người từ rất sớm và có những kiến giải độc đáo, sâu sắc về nó, mà còn suốt đời hy sinh phấn đấu vì nó. Điều đó thể hiện tầm vóc của nhà tư tưởng Hồ Chí Minh, vì “tâm cỡ của một nhà hiền triết... chung quy lại là ở mức độ quan tâm đến con người,... lấy đó làm trung tâm của mọi suy tư và chủ đích của mọi hành động”(33). Trên thực tế, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người đã đặt nền móng vững chắc cho việc xây dựng một xã hội nhân văn, tiến bộ nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Đó chính là cống hiến của Hồ Chí Minh trong việc thiết lập nền văn minh chính trị cho dân tộc và nhân loại. □

(29) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.13, tr.272.

(30) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.12, tr.402.

(31) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.6, tr.397.

(32) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.40.

(33) Hồ Chí Minh. *Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.287.